

Số: 50/2018/QĐST - HNGĐ

Nông Cống, ngày 24 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm D - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa

* Bị đơn: Anh Phạm Trọng C - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm D và anh Phạm Trọng C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Chị D và anh C có 03 con chung là Phạm Nguyễn Quỳnh Nh sinh ngày 22/5/2007, Phạm Nguyễn Như Q, sinh ngày 22/5/2007 (sinh đôi) và Phạm Trọng Ch, sinh ngày 08/10/2014. Chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 3 con. Anh C cấp dưỡng hằng tháng mỗi con là 700.000đ (3 con là 2.100.000đ), kể từ tháng 4/2018 đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung: Chị D, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Trọng C phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Công;
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ

